

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: 41/2024/DS-ST

Ngày 05-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 386/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị Kim T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số B, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bà Bùi Thị Kim T ủy quyền cho bà Lê Hoàng N, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Khu phố C, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số F, đường D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2022. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Lê Hoàng N trình bày:

Từ quan hệ quen biết, bà Bùi Thị Kim T có cho ông Nguyễn Thành T1 vay tiền nhiều lần với các lần vay và số tiền vay cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 23/6/2020

bà Bùi Thị Kim T cho ông T1 vay số tiền là 216.000.000 đồng thời hạn vay là 1 tháng (đến ngày 23/6/2020). Hai bên có lập giấy vay tiền ghi ngày 23/6/2020. Lần 2: Ngày 29/6/2020 bà Bùi Thị Kim T cho ông T1 vay số tiền là 108.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 tháng (đến ngày 29/6/2020). Hai bên có lập giấy vay tiền ghi ngày 29/6/2020. Theo thỏa thuận ghi trong giấy vay tiền thì mỗi lần cho vay đều có ghi thời hạn vay là 01 tháng nhưng khi đến thời hạn trả nợ ông T1 không hoàn trả cho bà Bùi Thị Kim T số tiền vay như đã cam kết. Đến nay, sau thời gian dài gần 02 năm, bà Bùi Thị Kim T nhiều lần liên lạc và yêu cầu ông T1 trả tiền nhưng không nhận được phản hồi từ ông T1. Vì vậy, nguyên đơn bà Bùi Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Thành T1 phải trả cho bà T tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi quá hạn của hai khoản vay là: 456.757.000 đồng (bốn trăm năm sáu triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc là 324.000.000 đồng (ba trăm hai mươi tư triệu đồng), tiền lãi là 132.757.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng)

- Bị đơn ông Nguyễn Thành T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, đã lên Tòa án nhận thông báo thụ lý vụ án sau đó vắng mặt, triệu tập tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử không thể xem xét ý kiến của bị đơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc phần tranh luận và đối đáp, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn nợ gốc và tiền lãi phát sinh đến ngày 05/9/2024 là 456.757.000 đồng (bốn trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Bùi Thị Kim T yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thành T1 trả số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Giấy vay tiền đến ngày 05/9/2024 là 456.757.000 đồng (bốn trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 24/4/2023 của Công an xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương xác định bị đơn ông Nguyễn Thành T1

có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án (ông Trung trực T2 lên Tòa án nhận), thông báo về phiên hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn ông Nguyễn Thành T1 nhưng ông T1 vắng mặt trong các buổi hoà giải, phiên toà sơ thẩm và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến cho Tòa án về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 5, 6, 91, 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thành T1 trả số tiền nợ vay theo Giấy vay tiền ngày 21/3/2014 tính đến ngày 05/9/2024 là 456.757.000 đồng (bốn trăm năm sáu triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc là 324.000.000 đồng (ba trăm hai mươi tư triệu đồng), tiền lãi là 132.757.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng, xem như ông T1 từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết.

[5] Xét thấy, Giấy vay tiền được giao kết giữa nguyên đơn bà Bùi Thị Kim T và bị đơn ông Nguyễn Thành T1 đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Đồng thời căn cứ vào Bản kết luận giám định số 2719/KL-KTHS (TL) ngày 13/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận chữ ký, chữ viết trong Giấy vay tiền ngày 23/6/2020 và Giấy vay tiền ngày 29/6/2020 là do bị đơn ông Nguyễn Thành T1 ký và viết ra.

[6] Trong quá trình vay, Kể từ ngày quá hạn đến thời điểm nguyên đơn bà Bùi Thị Kim T khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Thành T1 không thanh toán số tiền nợ đến hạn, như vậy bị đơn ông Nguyễn Thành T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim T. Do đó, nguyên đơn bà Bùi Thị Kim T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thành T1 trả số tiền nợ vay theo Giấy vay tiền ngày 23/6/2020 và Giấy vay tiền ngày 29/6/2020 tính đến ngày 05/9/2024 là 456.757.000 đồng (bốn trăm năm sáu triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc là 324.000.000 đồng (ba trăm hai mươi tư triệu đồng), tiền lãi là 132.757.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm kể từ ngày 23/7/2020 đối với Giấy vay tiền ngày 23/6/2020 và kể từ ngày 29/7/2020 đối với Giấy vay tiền ngày 29/6/2020. Xét thấy, mức lãi suất của các bên không có sự thỏa thuận, như vậy có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có kì hạn và không có lãi nên căn cứ quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn.

[8] Về thời gian yêu cầu tính lãi: Hội đồng xét xử căn cứ vào ngày nguyên đơn yêu cầu ngày 23/7/2020 đối với Giấy vay tiền ngày 23/6/2020 và ngày 29/7/2020 đối với Giấy vay tiền ngày 29/6/2020 là phù hợp và là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 05/9/2024).

[9] Về áp dụng lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi trên số tiền nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả cho nguyên đơn với mức lãi suất 10%/01 năm (tương đương với 0,83%/tháng), như vậy tiền lãi được tính như sau:

[10] Tiền lãi phát sinh trong Giấy vay tiền ngày 23/6/2020, tính từ ngày 23/7/2020 đến ngày 05/9/2024 là 49 tháng 13 ngày tương đương: $(216.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 49 \text{ tháng}) + (216.000.000 \text{ đồng} \times 0,0277\%/ngày \times 13 \text{ ngày}) = 88.624.000 \text{ đồng}$ (tám mươi tám triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

[11] Tiền lãi phát sinh trong Giấy vay tiền ngày 29/6/2020, tính từ ngày 29/7/2020 đến ngày 05/9/2024 là 49 tháng 7 ngày tương đương: $(108.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 49 \text{ tháng}) + (108.000.000 \text{ đồng} \times 0,0277\%/ngày \times 07 \text{ ngày}) = 44.133.000 \text{ đồng}$ (bốn mươi bốn triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng).

[12] Tổng cộng tiền lãi trong Giấy vay tiền ngày 23/6/2020 và Giấy vay tiền ngày 29/6/2020 là $88.624.000 \text{ đồng} + 44.133.000 \text{ đồng} = 132.757.000 \text{ đồng}$ (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

[13] Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim T, buộc bị đơn ông Nguyễn Thành T1 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Bùi Thị Kim T số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh đến hết ngày 05/9/2024 là 456.757.000 đồng (bốn trăm năm sáu triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc là 324.000.000 đồng (ba trăm hai mươi tư triệu đồng), tiền lãi là 132.757.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

[14] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký là 2.040.000 đồng (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng), do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ chi phí tố tụng để trả lại cho nguyên đơn.

[16] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều a khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim T đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T1 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành T1 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Bùi Thị Kim T tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi (phát sinh đến hết ngày 05/9/2024) là 456.757.000 đồng (bốn trăm năm sáu triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc là 324.000.000 đồng (ba trăm hai mươi tư triệu đồng), tiền lãi là 132.757.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu các bên không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành T1 phải nộp toàn bộ chi phí tố tụng là 2.040.000 đồng (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) để trả lại cho nguyên đơn bà Bùi Thị Kim T.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 9.982.500 đồng (chín triệu chín trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001426 ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Bị đơn ông Nguyễn Thành T1 phải nộp 22.770.000 (hai mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

- Lưu: Hồ sơ, VP.

Trần Hữu Duyên